TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/DS-ST
Ngày: 12 – 9 – 2023.
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trương Anh Tuấn.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Lý Thanh Phong.

Bà Sơn Thị Vành Đa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Thanh Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần B**;

Địa chỉ: Tầng A, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà T, số B Đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Đỗ Thanh T**; Chức vụ: Chuyên viên tổ khách hàng Phòng G.(*Có mặt*)

Địa chỉ: Số A, đường C, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: 1/ Bà **Lưu Thị N**, sinh năm 1991. (*Vắng mặt*)

2/ Ông **Đoàn Văn N1**, sinh năm 1984. (*Vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông **Đoàn Văn L. (***Vắng mặt)*

Địa chỉ: ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13-7-2022 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Thanh T trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần () Bưu điện L1 – Phòng giao dịch (PGD) L (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đã cấp tín dụng cho bà Lưu Thị N và ông Đoàn Văn N1 vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số HDTD803202002207, ngày 21-10-2020, thời hạn cho vay 11 tháng kể từ ngày 21-10-2020 đến ngày 20-09-2021 (Kỳ hạn trả nợ gốc: Cuối kỳ vào ngày 20-09-2021 và kỳ hạn trả lãi định kỳ 03 tháng/lần), mục đích vay sản xuất nông nghiệp. Khoản vay trên đã quá hạn từ ngày 20/07/2021. Tính đến hết ngày 12-9-2023 bà Lưu Thị N và ông Đoàn Văn N1 còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP B Chi nhánh L1 - P với tổng số tiền: 276.540.660 đồng (hai trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng). Trong đó:

- Dư nợ gốc: 200.000.000 đồng.

- Tiền lãi trong hạn: 9.160.989 đồng .

- Tiền lãi quá hạn: 65.276.712 đồng .

- Tiền lãi chậm trả lãi: 2.102.959 đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0251/2018/HĐTC/PGDLongMy, ngày 11-12-2018 ký kết giữa bà Lưu Thị N và ông Đoàn Văn N1 với Ngân hàng TMCP B Chi nhánh L1 - Phòng G bao gồm quyền sử dụng đất và lợi ích gắn liền hoặc phát sinh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Lưu Thị N và ông Đoàn Văn N1 như sau:

- Diện tích đất: 15.900 m^2, Loại đất: Đất trồng cây lâu năm.

- Thửa đất số: 516. Tờ bản đồ số: 12.

- Địa chỉ thửa đất: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BC546291, số vào sổ: CH00715 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 17-08-2012.

Quá trình đôn đốc, thu hồi nợ: Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh L1 đã nhiều lần đến đôn đốc bà Lưu Thị N và ông Đoàn Văn N1 yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay nhưng bà Lưu Thị N và ông Đoàn Văn N1 cam kết trả nợ cho Ngân hàng nhiều lần nhưng không thực hiện cam kết.

Những vấn đề cụ thể người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

- Buộc bà Lưu Thị N và ông Đoàn Văn N1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số HDTD803202002207, ngày 21-10-2020. Với tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 12-9-2023 là: 276.540.660 đồng (hai trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng).

Trường hợp bà Lưu Thị N và ông Đoàn Văn N1 không trả hết nợ vay cho ngân hàng thì đề nghị Tòa án tuyên xử lý tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP

B theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0251/2018/HĐTC/PGDLongMy, ngày 11-12-2018 ký kết giữa bà Lưu Thị N và ông Đoàn Văn N1 với Ngân hàng TMCP B Chi nhánh L1 - Phòng G bao gồm: quyền sử dụng đất và lợi ích gắn liền hoặc phát sinh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Lưu Thị N và ông Đoàn Văn N1 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BC546291, số vào số: CH00715 do UBND huyện M cấp ngày 17-08-2012.

- Trong thời gian chưa thanh toán nợ, bà Lưu Thị N và ông Đoàn Văn N1 phải chịu lãi suất quá hạn trên số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi tất toán khoản vay.

Trong quá giải quyết vụ án, bị đơn ông Đoàn Văn N1 trình bày: Ông thống nhất là ông và vợ là bà Lưu Thị N có vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) của Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh L1, phòng G. Về thời gian trả nợ và số nợ còn thiếu cũng như tài sản đảm bảo thì ông thống nhất với đơn khởi kiện của Ngân hàng. Đối với phần đất mà ông thế chấp Ngân hàng thửa 516, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng thì ông đã cố cho anh ruột là ông Đoàn Văn L, cố thời hạn 03 năm từ năm 2021 đến năm 2024 với giá là 45.000.000 đồng, khi cố không có làm giấy tờ vì là chỗ anh em ruột.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn L vắng mặt. Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng cho ông L được biết về nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông L vẫn không có văn bản trình bày ý kiến cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

Theo Hợp đồng tín dụng số HDTD803202002207, ngày 21-10-2020 thì Ngân hàng TMCP B, chi nhánh L1, Phòng G (gọi tắt là Ngân hàng) đã giải ngân cho ông Đoàn Văn N1 và bà Lưu Thị N vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng ông N1 và bà N vi phạm nghiêm trọng hợp đồng đã ký kết, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông N1 và bà N trả số tiền vốn lãi còn nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 12-9-2023 là 276.540.660 đồng (hai trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng). Trong trường hợp ông N1, bà N không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền còn nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú phát mãi tài sản thế chấp của ông Đoàn Văn N1 và bà Lưu Thị N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0251/2018/HĐTC/PGDLongMy, ngày 11-12-2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Đoàn Văn N1 và bà Lưu Thị N; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Đoàn Văn N1, bà Lưu Thị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn L.

[2] Về nội dung vụ án: Theo Hợp đồng tín dụng số HDTD803202002207, ngày 21-10-2020 thì Ngân hàng TMCP B, chi nhánh L1, Phòng G (gọi tắt là Ngân hàng) đã giải ngân cho ông Đoàn Văn N1 và bà Lưu Thị N vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Thỏa thuận cụ thể như sau: Thời hạn cho vay 11 tháng kể từ ngày 21-10-2020 đến ngày 20-09-2021 (Kỳ hạn trả nợ gốc: Cuối kỳ vào ngày 20-09-2021 và kỳ hạn trả lãi định kỳ 03 tháng/lần), mục đích vay sản xuất nông nghiệp. Lãi suất do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật. Trong quá trình giao dịch vợ chồng ông N1, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng vốn lãi theo hợp đồng đã ký kết làm phát sinh nợ quá hạn kể từ ngày 20-7-2021 cho đến nay.

[3] Xét thấy, ông Đoàn Văn N1 và bà Lưu Thị N đã nhận toàn bộ số tiền vốn vay 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) từ Ngân hàng nhưng lại không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng tại Điều 4 của hợp đồng cho vay mà hai bên đã ký kết. Do ông N1, bà N đã vi phạm nghiêm trọng hợp đồng nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N1, bà N thanh toán toàn bộ số tiền vốn gốc và tiền lãi là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 25 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng N3 ban hành; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 7; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Số tiền ông N1, bà N còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 12-9-2023 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 276.540.660 đồng (hai trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng). Trong đó: Vốn gốc: 200.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn: 9.160.989 đồng; Tiền lãi quá hạn: 65.276.712 đồng; Tiền lãi chậm trả lãi: 2.102.959 đồng.

[4] Xét về tài sản thế chấp gồm: Toàn bộ phần đất có diện tích 15.900m^2, tại thửa số 516, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BC 546291 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 17-8-2012 cho ông Đoàn Văn N1 và bà Lưu Thị N. Ngân hàng cùng ông Đoàn Văn N2 và bà Lưu Thị N đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0251/2018/HĐTC/PGDLongMy, ngày 11/12/2018, có công chứng và đăng ký thế chấp hợp pháp để đảm bảo cho khoản vay của ông N1 và bà N. Nay Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông N1, bà N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là phù

hợp với quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Hiện nay thửa đất này do ông Đoàn Văn L đang quản lý, sử dụng. Theo ông N1 trình bày lý do ông L canh tác là do ông L nhận cố đất của vợ chồng ông N1, bà N. Việc cố đất không có lập hợp đồng vì là chỗ anh em, thời hạn cố là 03 năm, giá cố là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng). Tính tới thời điểm hiện nay thì thời hạn cố đất còn gần 01 năm. Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án bổ sung đưa ông Đoàn Văn L vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông L trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông L không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cũng đã tiến hành đến nhà ông L xác minh nhưng ông L không có mặt ở nhà. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đối với hợp đồng cố đất giữa ông L và vợ chồng ông N1, bà N, nếu sau này ông L có yêu cầu thì có thể giải quyết bằng vụ án khác.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

[5.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng Thương mại cổ phần B không phải chịu án phí. Ông Đoàn Văn N1 và bà Lưu Thị N phải chịu án phí đối với yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5.2] Về chi phí thẩm định: Ông Đoàn Văn N1 và bà Lưu Thị N phải chịu chi phí thẩm định tài sản thế chấp với số tiền là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo quy định tại Điều 157 và khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước chi phí thẩm định để làm thủ tục tố tụng, do vậy ông N1 và bà N có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho Ngân hàng TMCP B.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 157; khoản 1 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 299; Điều 317; Điều 318; điều 319; Điều 320 và khoản 1, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 167 Luật đất đai;

Căn cứ khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 7; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc ông Đoàn Văn N1 và bà Lưu Thị N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B tổng số tiền vốn lãi tính đến ngày 12-9-2023 (ngày xét xử sơ thẩm) là 276.540.660 đồng (hai trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng). Trong đó: Vốn gốc: 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng); T1 lãi trong hạn: 9.160.989 đồng (chín triệu, một trăm sáu mươi nghìn, chín trăm tám mươi chín đồng); T1 lãi quá hạn: 65.276.712 đồng (sáu mươi lăm triệu, hai trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm mười hai đồng); T1 lãi chậm trả lãi: 2.102.959 đồng (hai triệu, một trăm linh hai nghìn, chín trăm năm mươi chín đồng).

Kể từ ngày 13-9-2023 cho đến khi ông Đoàn Văn N1 và bà Lưu Thị N thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B thì hàng tháng ông N1, bà N còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số HDTD803202002207, ngày 21-10-2020.

2/ Trường hợp ông Đoàn Văn N1 và bà Lưu Thị N không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng Thương mại cổ phần B được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0251/2018/HĐTC/PGDLongMy, ngày 11-12-2018 đối với phần đất có diện tích 15.900m^2, tại thửa số 516, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BC 546291 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 17-8-2012 cho ông Đoàn Văn N1 và bà Lưu Thị N.

Trong trường hợp Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì ông Đoàn Văn L có nghĩa vụ giao trả cho ông Đoàn Văn N1 và bà Lưu Thị N phần đất đang canh tác tại thửa đất số 516, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Về án phí và chi phí tố tụng:

3.1/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đoàn Văn N1 và bà Lưu Thị N phải chịu số tiền là 13.827.033 đồng (mười ba triệu, tám trăm hai mươi bảy nghìn, không trăm ba mươi ba đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần B không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005201, ngày 19-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

3.2/ Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Đoàn Văn N1 và bà Lưu Thị N phải chịu số tiền là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*). Ông Đoàn Văn N1 và

bà Lưu Thị N có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B do Ngân hàng đã tạm ứng xong.

4/ Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
-VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Anh Tuấn